

UBND TỈNH TÂY NINH
SỞ Y TẾ

Số: 2845/QĐ-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 12 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu
Gói số 2- Thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị**

Thuộc dự án: Mua thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh năm 2017, 2018, 2019.

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế Quy định việc đấu thầu mua thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 1640/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: mua thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh năm 2017, 2018, 2019;

Căn cứ Quyết định số 1381/QĐ-SYT, ngày 28/7/2017 của Giám đốc Sở Y tế Ban hành quy trình lựa chọn nhà thầu: mua thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh năm 2017, 2018, 2019;

Căn cứ Quyết định số 1555/QĐ-SYT, ngày 24/8/2017 của Giám đốc Sở Y tế Về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu Gói số 2 - Thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị, Thuộc dự án: Mua thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh năm 2017, 2018, 2019;

Căn cứ Quyết định số 2438/QĐ-SYT, ngày 20/11/2017 của Giám đốc Sở Y tế Tây Ninh về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của Gói số 2 – Thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị, thuộc dự án: Mua thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh năm 2017, 2018, 2019

Căn cứ Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 27/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy Sở Y tế tỉnh Tây Ninh;

Xét đề nghị của Bên mời thầu tại Tờ trình ngày số 08/TTr-BMT ngày 11/12/2017 về việc đề nghị phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu Gói số 2 - Thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị, thuộc dự án: mua thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh năm 2017, 2018, 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu Gói số 2 - Thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị, thuộc dự án: mua thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh năm 2017, 2018, 2019 với các nội dung như sau:

1. Danh sách nhà thầu có HSĐXTC được đánh giá hợp lệ, có mặt hàng được xếp hạng nhà thầu (danh mục xếp hạng đính kèm).

Stt	Mã nhà thầu	Tên nhà thầu được xếp hạng	Số mặt hàng được xếp hạng
1	1	Công ty CP Dược Liệu TW2	11
2	2	Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương	12
		CỘNG	23 mặt hàng

2. Danh sách nhà thầu có mặt hàng được xếp hạng thứ nhất:

Stt	Mã nhà thầu	Tên nhà thầu được xếp hạng thứ nhất	Số mặt hàng được xếp hạng thứ nhất
1	1	Công ty CP Dược Liệu TW2	11
2	2	Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương	12
		CỘNG	23 mặt hàng

Điều 2. Giao Bên mời thầu chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu.

Điều 3. Bên mời thầu, các tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu: VP, BMT, NVD.

GIÁM ĐỐC



Hoa Công Hậu

DANH SÁCH NHÀ THẦU CÓ MẶT HÀNG XEP HÀNG SỐ 1
GÓI SỐ 02: THUỐC BIẾT DƯỢC HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG ĐIỀU TRỊ, NĂM 2017
(Kèm theo Quyết định số 2845/QĐ-SYT ngày 12/12/2017 của Giám đốc Sở Y tế)

1 Công ty Cổ phần Dược Liệu Trung ương 2

1 Công ty Cổ phần Dược Liệu Trung ương 2																					
STT	TT	Mã HH	Mã PM	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Hàm lượng	Qui cách	Dạng bào chế	Hạn dùng	Số đăng ký	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá kê khai	Giá dự thầu	Số lượng	Thành tiền	Mã nhà thầu	Tên Công ty	Địa chỉ	Điện thoại
1	1	106.BD-1-1	GZ.001	Glucose Tab	Acarbose	50mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên nén	36 tháng	VN-20231-17	Bayer Pharma AG	Đức	Viên	2.761	2.760	3.106.400	8.578.664.000	0917020	Công ty Cổ phần Dược Liệu Trung ương 2	24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP HCM	1800.5555.58 - 028.39102650 -
2	2	106.BD-7-1	GZ.002	CORADARONE	Amiodaron	200 mg	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Viên nén	24 tháng	VN-16722-13	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Viên	6.753	6.750	133.920	903.940.000	0917020	Công ty Cổ phần Dược Liệu Trung ương 2	24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP HCM	1800.5555.58 - 028.39102650 -
3	3	106.BD-9-1	GZ.003	Augmentin Tab	Amoxicillin + Clavulanic acid	500 mg + 125mg	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Viên nén bao phim	24 tháng	VN-20169-16	Beecham Pharmaceuticals - Anh	Anh	Viên	12.564	11.936	2.072.000	24.731.392.000	0917020	Công ty Cổ phần Dược Liệu Trung ương 2	24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP HCM	1800.5555.58 - 028.39102650 -
4	4	106.BD-10-1	GZ.004	Augmentin 500/62,5 Sac	Amoxicillin + Clavulanic acid	500mg + 62,5mg	Hộp 12 gói uống	Bột pha hỗn dịch uống	24 tháng	VN-16487-13	Glaxo Wellcome Production	Pháp	Gói	16.014	16.014	735.700	11.781.499.800	0917020	Công ty Cổ phần Dược Liệu Trung ương 2	24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP HCM	1800.5555.58 - 028.39102650 -
5	5	106.BD-22-1	GZ.006	Tegretol 200 Tab	Carbamazepin	200mg	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Viên nén	24 tháng	VN-18397-14	Novartis Farma S.p.A	Ý	Viên	3.662	3.661	703.640	2.576.026.040	0917020	Công ty Cổ phần Dược Liệu Trung ương 2	24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP HCM	1800.5555.58 - 028.39102650 -
6	6	106.BD-35-1	GZ.009	Ciprobay Tab	Ciprofloxacin	500mg	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Viên nén bao phim	60 tháng	VN-14009-11	Bayer Pharma AG	Đức	Viên	13.913	13.913	1.757.000	24.445.141.000	0917020	Công ty Cổ phần Dược Liệu Trung ương 2	24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP HCM	1800.5555.58 - 028.39102650 -
7	7	106.BD-36-1	GZ.010	Ciprobay IV luj	Ciprofloxacin	200mg/100ml	Hộp 1 lọ 100ml	Dịch truyền	48 tháng	VN-14008-11	Bayer Pharma AG	Đức	Lọ	246.960	246.960	385.420	95.181.323.200	0917020	Công ty Cổ phần Dược Liệu Trung ương 2	24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP HCM	1800.5555.58 - 028.39102650 -
8	8	106.BD-54-1	GZ.011	Diametron MR Tab	Gluciclazid	30mg	Hộp 2 vỉ x 30 viên	Viên nén giải phóng có kèm sỏi	36 tháng	VN-20549-17	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	2.865	2.865	1.765.000	5.056.725.000	0917020	Công ty Cổ phần Dược Liệu Trung ương 2	24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP HCM	1800.5555.58 - 028.39102650 -
9	9	106.BD-76-1	GZ.020	Medrol Tab 4mg	Methyl prednisolon	4mg	3 vỉ x 10 viên	Viên nén	36 tháng	VN-13805-11	Pfizer Italia S.r.l	Ý	Viên	1.105	983	2.114.368	2.078.423.744	0917020	Công ty Cổ phần Dược Liệu Trung ương 2	24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP HCM	1800.5555.58 - 028.39102650 -
10	10	106.BD-80-1	GZ.021	Adalat LA Tab	Nifedipin	20 mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên phóng thích kéo dài	36 tháng	VN-15727-12	Bayer Pharma AG	Đức	Viên	6.017	5.950	305.000	1.814.750.000	0917020	Công ty Cổ phần Dược Liệu Trung ương 2	24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP HCM	1800.5555.58 - 028.39102650 -
11	11	106.BD-81-1	GZ.022	Adalat Cap 10mg	Nifedipin	10mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên nang mềm	36 tháng	VN-14010-11	Carlent Germany Eberbach GmbH, Cơ sở sản xuất: Bayer Pharma AG	Đức	Viên	2.254	2.253	248.614	560.127.342	0917020	Công ty Cổ phần Dược Liệu Trung ương 2	24 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, TP HCM	1800.5555.58 - 028.39102650 -
2 Công ty TNHH Một Thành Viên Vinmedimax Bình Dương																					
12	1	106.BD-18-1	GZ.005	Bisolvon Tab. 8mg	Bromhexin	8mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên nén	36 tháng	VN-15737-12	PT Boehringer Ingelheim Indonesia	Indonesia	Viên	1.806	1.806	492.800	889.996.800	0917059	Công ty TNHH Một Thành Viên Vinmedimax Bình Dương	Đường số 3, Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Đức, tỉnh Bình Dương	0274.3815062
13	2	106.BD-28-2	GZ.008	Rocephin Ig I.V.	Ceftriaxon	1g	Hộp 1 lọ thuốc + 1 ống 10ml dung môi pha tiêm	Thuốc bột pha tiêm có dung môi	36 tháng	VN-17036-13	F. Hoffmann-La Roche Ltd	Thụy Sĩ	Lọ	181.440	181.440	46.200	8.382.328.000	0917059	Công ty TNHH Một Thành Viên Vinmedimax Bình Dương	Đường số 3, Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Đức, tỉnh Bình Dương	0274.3815062
14	3	106.BD-59-1	GZ.012	Busscopan Inj.	Hyoscin butylbromid	20mg/ml	Hộp 2 vỉ x 5 ống 1ml	Dung dịch tiêm	60 tháng	VN-15234-12	Boehringer Ingelheim Espana, S.A	Thụy Điển	Ống	8.377	8.376	474.380	3.973.406.880	0917059	Công ty TNHH Một Thành Viên Vinmedimax Bình Dương	Đường số 3, Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Đức, tỉnh Bình Dương	0274.3815062



15	4	106.BD-60-1	G2.013	Buseopan Tab. 10mg B/100	Hyoscin bromide	10mg	Hộp 5 vỉ x 20 viên	Viên nén bao đường	36	VN-11700-	Daphnam Reims	Pháp	Viên	1.120	1.120	4.275.500	4.788.560.000	0917059	Công ty TNHH Một Thành Viên Vimedimex Bình Dương	Đường số 3, Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore 2, Phường Hòa Phước, Thành phố Thủ Đức, tỉnh Bình Dương	0274. 3815063
16	5	106.BD-70-1	G2.014	Fugacar (tablet)	Metendazole	500mg	Hộp 1 vỉ x 1 viên nén	Viên nén	60	VN-16500-	OILC (Thailand) Ltd.	Thái Lan	Viên	16.400	16.399	43.820	718.604.180	0917059	Công ty TNHH Một Thành Viên Vimedimex Bình Dương	Đường số 3, Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore 2, Phường Hòa Phước, Thành phố Thủ Đức, tỉnh Bình Dương	0274. 3815064
17	6	106.BD-71-1	G2.015	Mobile Tuj 15mg/1,5ml	Meloxicam	15mg/1,5ml	Hộp 5 ống 1,5ml	Dung dịch tiêm	60	VN-16959-	Boehringer Ingelheim Espana S.A	Tây Ban Nha	Ống	22.761	22.761	392.640	8.936.879.040	0917059	Công ty TNHH Một Thành Viên Vimedimex Bình Dương	Đường số 3, Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore 2, Phường Hòa Phước, Thành phố Thủ Đức, tỉnh Bình Dương	0274. 3815065
18	7	106.BD-72-1	G2.016	Mobile 7, 5mg Tab 20s (Greece)	Meloxicam	7,5mg	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên nén	36	VN-16141-	Boehringer Ingelheim Elias A.E	Hy Lạp	Viên	9.123	9.122	2.100.000	19.156.200.000	0917059	Công ty TNHH Một Thành Viên Vimedimex Bình Dương	Đường số 3, Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore 2, Phường Hòa Phước, Thành phố Thủ Đức, tỉnh Bình Dương	0274. 3815066
19	8	106.BD-73-1	G2.017	Mobile 15mg Tab 20s (Greece)	Meloxicam	15mg	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên nén	36	VN-16140-	Boehringer Ingelheim Elias A.E	Hy Lạp	Viên	16.190	16.189	2.100.000	33.996.900.000	0917059	Công ty TNHH Một Thành Viên Vimedimex Bình Dương	Đường số 3, Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore 2, Phường Hòa Phước, Thành phố Thủ Đức, tỉnh Bình Dương	0274. 3815067
20	9	106.BD-87-1	G2.023	Pantoloc 1.V	Pantoprazol	40mg	Hộp 1 lọ bột đóng khô pha tiêm	Bột đóng khô pha tiêm tĩnh mạch	18	VN-18467-	Takeda GmbH	Đức	Lọ	146.000	146.000	161.120	23.521.520.000	0917059	Công ty TNHH Một Thành Viên Vimedimex Bình Dương	Đường số 3, Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore 2, Phường Hòa Phước, Thành phố Thủ Đức, tỉnh Bình Dương	0274. 3815068
21	10	106.BD-88-1	G2.024	Pantoloc 40mg	Pantoprazol	40mg	Hộp 1 vỉ x 7 viên	Viên nén bao tan trong nước	36	VN-18402-	Takeda GmbH	Đức	Viên	19.795	18.499	2.872.800	53.143.927.200	0917059	Công ty TNHH Một Thành Viên Vimedimex Bình Dương	Đường số 3, Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore 2, Phường Hòa Phước, Thành phố Thủ Đức, tỉnh Bình Dương	0274. 3815069
22	11	106.BD-105-1	G2.025	Orivin 0,1% Drops	Xylometazolin	0,1%	Hộp 1 lọ 10ml	Dung dịch nhỏ mũi	36	VN-15559-	Novartis Consumer Health S.A	Thụy Sĩ	Lọ	41.300	41.300	14.182	585.716.600	0917059	Công ty TNHH Một Thành Viên Vimedimex Bình Dương	Đường số 3, Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore 2, Phường Hòa Phước, Thành phố Thủ Đức, tỉnh Bình Dương	0274. 3815070
23	12	106.BD-106-1	G2.026	Orivin 0,05% Drops	Xylometazolin	0,05%	Hộp 1 lọ 10ml	Dung dịch nhỏ mũi	36	VN-15558-	Novartis Consumer Health S.A	Thụy Sĩ	Lọ	30.400	30.400	14.073	427.819.200	0917059	Công ty TNHH Một Thành Viên Vimedimex Bình Dương	Đường số 3, Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore 2, Phường Hòa Phước, Thành phố Thủ Đức, tỉnh Bình Dương	0274. 3815070

